

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày 22/9/2022

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Bà Trần Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số nhà 305, tổ 3, ấp BC, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số nhà 09, tổ 2, khu phố 7, thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương (Hợp đồng ủy quyền ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại UBND thị trấn PV, huyện P, tỉnh Bình Dương; sổ chứng thực 14, quyền số 01/2021 – SCT/HĐ,GD). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1B, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà 305, tổ 3, ấp BC, xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph, bà Nguyễn Thị Khánh V trình bày: Do bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Văn T có mối quan hệ quen biết. Ngày 04/4/2016, ông Lê Văn T có mượn của bà Huỳnh Thị Ph số tiền là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và thời hạn vay là 06 tháng. Việc vay mượn tiền hai bên có lập thành văn bản, có ký tên của ông T và có sự chứng kiến của bà Huỳnh Thị U. Từ khi, ông T vay tiền của bà Ph cho

đến nay, ông T không có thực hiện đúng như thỏa thuận trong Giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2016 và bà Ph đã nhiều lần liên lạc cho ông T nhưng ông T không có thiện chí trả nợ cho bà Ph. Vì vậy, bà Huỳnh Thị Ph khởi kiện đòi tài sản yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T phải trả số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, khấu trừ 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) bị đơn đã trả trước đây, ông T còn phải trả số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Bị đơn ông Lê Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Trong bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U trình bày: Vào ngày 04/4/2016, tại nhà của bà Huỳnh Thị Ph, theo sự giới thiệu của bà, ông T có hỏi vay mẹ của bà là bà Huỳnh Thị Ph số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Thời điểm bà Ph cho ông T vay 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), ông T là người ghi Giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2016 và ký tên vào giấy mượn tiền trước sự chứng kiến của bà. Trong giấy mượn tiền, ông T có ghi “cùng bà Huỳnh Thị U”, nhưng trên thực tế bà là người biết sự việc vay tiền giữa bà Ph và ông T, bà Ph đưa cho ông T số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng), ông T đếm tiền và đi về. Ngoài ra, bà không có liên quan gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph và bị đơn ông Lê Văn T có tranh chấp kiện đòi tài sản, nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả cho bà Ph. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Ph không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn ông Tâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hiện bị đơn ông Lê Văn T thường trú tại xã H, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị U có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Lê Văn T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên hòa giải; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê Văn T, nhưng ông T vắng mặt trong các buổi hoà giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án về việc khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ph yêu cầu ông Lê Văn T phải trả số tiền là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91, 92 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Ph cho ông Lê Văn T vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2016 với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 04/4/2016 đến ngày 04/10/2016. Đến nay đã quá thời hạn trả, ông Tâm trả cho nguyên đơn 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), còn lại số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) ông T vẫn chưa trả cho bà Ph. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Lê Văn T nhiều lần nhưng ông T cố tình vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Huỳnh Thị Ph và ông Lê Văn T là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi suất. Bà Phụng đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán nhưng ông T không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ông Lê Văn T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hiểu rõ nội dung mà các bên thoả thuận và tự viết, ký tên Giấy mượn tiền đề ngày 04/4/2016. Do đó, ông Lê Văn T phải chịu trách nhiệm về thoả thuận của mình. Ông Lê Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) còn nợ bà Ph, nhằm trốn tránh nghĩa vụ, gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn ông Lê Văn T phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph số tiền nợ là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph đối với bị đơn ông Lê Văn T.

[5] Về nội dung của Giấy mượn tiền ngày 04/4/2016 có đề cập đến bà Huỳnh Thị U, tuy nhiên bà U trình bày người mượn tiền là bị đơn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù giấy mượn tiền có đề cập đến bà U nhưng bà U không ký tên và giấy mượn tiền, nguyên đơn không khởi kiện đối với bà U nên không yêu cầu bà U thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn ông Lê Văn T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và các Điều 147, 184, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 149, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph đối với bị đơn ông Lê Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bị đơn ông Lê Văn T phải trả cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph số tiền nợ gốc là 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà Huỳnh Thị Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn T chậm trả số tiền nợ nêu trên thì ông Lê Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông Lê Văn T phải nộp số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ph số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do bà Huỳnh Thị Ph đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043878 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Ân